

MẤY NHẬN XÉT VỀ

TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM SAU NĂM 1975

BÙI VIỆT THẮNG

Truyện ngắn mười năm qua phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng. Trước hết thành tựu của truyện ngắn thể hiện rõ qua các cuộc thi do tuần báo Văn nghệ tổ chức (1978 — 1979 và 1983 — 1984), do Tạp chí Văn nghệ Quân đội tổ chức (1982 và 1983 — 1984) Chúng tôi xin nêu vài con số để thấy được sự nở rộ của thể truyện ngắn. Hai cuộc thi của báo Văn nghệ, ban chấm giải nhận được 2.901 truyện, đã đăng lên báo 203 truyện. Một loạt cây bút mới xuất hiện: Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Lê Minh Khuê, Dương Thu Hương, Trần Văn Tuấn, Hồ Anh Thái, Phạm Thị Minh Thư, Trần Thùy Mai, Nguyễn Quang Lập, Dạ Ngân... Trong số đó có những người viết « có nghề » như Dương Thu Hương, Lê Minh Khuê, Nhật Tuấn; Có những người khác tuy bản lĩnh chưa thật đầy đặn nhưng lóe lên những dấu hiệu tài hoa như Hồ Anh Thái, Nguyễn Quang Lập, Dạ Ngân... Truyện ngắn của họ tươi trẻ, dồi dào chất sống và có nhiều tìm tòi về nghệ thuật.

Thế hệ được gọi là già như Nguyễn Kiên, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng Xuân Thiều... có sự đổi mới trong truyện ngắn, ngòi bút của họ vẫn linh hoạt và có phần sinh sắc hơn trước.

Hiện tượng truyện ngắn đáng chú ý nhất trong mười năm qua là Nguyễn Minh Châu với hai tập *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983), *Bến quê* (1985). Báo Văn nghệ đã tổ chức một cuộc thảo luận về truyện ngắn của anh, ý kiến khen chê rất khác nhau nhưng thống nhất ở chỗ khẳng định và ghi nhận những tìm tòi của anh trong thể tài này.

Có người chỉ với một truyện ngắn làm xôn xao dư luận—đó là trường hợp Dạ Ngân với *Con chó và vụ li hôn* (1986). (Đã có bài viết trên báo Văn nghệ về truyện này).

Những tác giả viết khỏe là Dương Thu Hương (5 tập) Nguyễn Mạnh Tuấn (5 tập) Lê Minh Khuê (5 tập). Kể từ trong vòng mười năm lao động nghệ thuật ở mức này là cát lự và đáng biểu dương.

Trở lên, chúng tôi phác vẽ đôi nét về bức tranh truyện ngắn từ sau 1975. Những con số, sự kiện, tên tuổi ấy chứng tỏ rằng truyện ngắn rất nhiều triển vọng và có một chân trời rộng mở (1).

*
*
*

Cột mốc đầu tiên của truyện ngắn sau 1975, có thể nói là *Hai người trở lại trung đoàn* (1976) của Thái Ba Lợi. Từ bỏ lối nhìn đơn giản về con người tác

giả đã mạnh dạn trình bày tính cách phức tạp của con người đương thời được nhìn nhận qua chiến tranh. *Giờ đây con người được phát hiện, thể hiện trên bình diện đạo đức, được tìm hiểu trong tiến trình hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa.* Dĩ nhiên do đề trung thể loại, truyện ngắn chỉ cất lấy « một khúc » của đời sống do vậy tác giả chọn khoảnh khắc có ý nghĩa khi Thành bị một người hiền nhằm (dù vô tình hay hữu ý). Nhưng trong chiến tranh mọi việc lần tới, con người không đủ thời gian để biến bạch. Chỉ có sau chiến tranh, các thang giá trị đạo đức mới được hiểu một cách biện chứng hơn. Hồi ấy nhiều người kêu là xung quanh truyện này; nhưng lúc này bình tĩnh lại mới thấy tác giả đã nhìn xa trông rộng, vì thế đánh giá con người phải hết sức toàn diện và lâu dài.

Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Trần Văn Tuấn... bằng nhiều cách đã khám phá vẻ đẹp của con người trong quá trình lao động, nhân cách mới gắn với lao động cải tạo đời sống. Vì thế các tập truyện *Tôi vẫn về nhà máy cũ* của Nguyễn Mạnh Tuấn (1978) *Trang 17* (1977) của Nhật Tuấn là những tập truyện hay viết về lớp trẻ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dương Thu Hương, Lê Minh Khuê viết về những người cùng thời trải qua chiến tranh nay trở về với đời sống hòa bình, tìm lại chỗ đứng của mình trong xã hội. *Đoàn kết* (1983) *Một chiều xa thành phố* (1986) của Lê Minh Khuê và *Chân dung người hàng xóm* (1985) của Dương Thu Hương xác nhận bước tiến của hai cây bút nữ trong làng truyện ngắn.

Khám phá, thể hiện sự hình thành nhân cách mới, truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu đã có những đóng góp xứng đáng. Anh không đơn giản ca ngợi con người mới mà nghiên cứu sự trưởng thành của nó trong sự phức tạp của các mâu thuẫn, các mối quan hệ xã hội. Đặc điểm nổi bật của nhân cách xã hội chủ nghĩa là khả năng tự nhận thức, tự giáo dục. Trong ý nghĩa đó *Bức tranh* là một thành công nghệ thuật của nhà văn. Nhân vật người họa sĩ trong truyện đối diện với chính mình, phê phán mình, tự nhận thức mình trước khi nhận thức thế giới xung quanh. Từ hành động dũng cảm đó lương tri của con người được thức tỉnh. Mặt khác khi nghiên cứu sự hình thành ý thức xã hội chủ nghĩa, nhà văn vẫn quan tâm đến mối liên hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Một tồn tại con bao nhiêu khiếm khuyết làm sao có thể thúc đẩy phát triển ý thức tiến bộ được. Vì thế trong những năm qua có người cho Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng « sa » vào truyện « đời thường » mà đánh mất cây bút hùng hồn sáng tác. Ý kiến này chưa thật thỏa đáng, chúng ta sẽ bàn kỹ ở một bài viết khác.

Truyện ngắn sau 1975 và đặc biệt những năm gần đây tập trung nghiên cứu hiện trạng tinh thần xã hội sau chiến tranh— đó là một hiện trạng phức tạp, đa dạng, đan xen các mặt tích cực và tiêu cực. Tình phức tạp trong đời sống tinh thần xã hội là kết quả tất yếu của hậu quả chiến tranh, của đời sống kinh tế khó khăn của sự xâm nhập nhiều trào lưu tư tưởng từ ngoài vào v. v... Các nhà văn của chúng ta đã dám « nhìn thẳng vào sự thật » ấy.

Nỗi cô đơn là một nét trong đời sống tinh cảm của con người đương thời, vấn đề là nhà văn phải truy tìm nguyên nhân, phải lý giải và tìm cách giải quyết (đồng thời với sự nỗ lực của nhiều ngành khác như giáo dục, đạo đức học, xã hội học, tâm lý học...) Có thể có người nào đó cô đơn, bối rối nhưng nhà văn

không được bồi rỗi. Đây chính là nguyên tắc tình Đảng và tình chiến đấu của nhà văn cách mạng. Quý (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) là một người cô đơn. Số phận chị như thể bị định đoạt ở vô số thất bại trong tình yêu, khát vọng của chị bị sụp đổ. Chị rơi vào cõi cô đơn mệnh mông. Tác giả lý giải nỗi cô đơn ấy như sau: Quý là con người ảo tưởng, quá nửa cuộc đời đi tìm người yêu lý tưởng, chị quan niệm con người đẹp là một « siêu nhân » có tính cách thần thánh. Chị đã từ bỏ chồng vì anh ta « bị bệnh ra mồ hôi tay »?; Cuối cùng chị lại có ý định lấy bạn của chồng — một kỹ sư có tài, làm ăn phi pháp và bị tù. Chị tưởng bằng tình yêu của mình có thể « cải hóa » con người ấy. Nhưng rồi cục, chị vẫn là người cô đơn, tất cả vì không từ bỏ được căn bệnh « ảo tưởng ».

Nhân vật trong truyện ngắn của Dương Thu Hương, Lê Minh Khuê, Ma Văn Kháng... cũng thường cô đơn. Nhưng rõ ràng tác giả đã có ý thức lý giải ngọn nguồn nỗi cô đơn ấy ở những người cụ thể. Đại tá Quang (*Cánh buồm lúc hoàng hôn của Dương Thu Hương*) cô đơn vì mối liên hệ giữa ông với vợ con bị đứt đoạn, những người ruột thịt ấy đã bỏ ông để lao theo tiền bạc, danh vọng. Nhân vật của Nguyễn Quang Lập cũng mang những nét cô đơn mà nguyên nhân là do hậu quả khắc nghiệt của chiến tranh. Nhưng vượt lên nỗi cô đơn, mỗi nhân vật đều nuôi giữ cảm hứng về tương lai (đại tá Quang nằm liệt giường vẫn tiến hành viết lịch sử quân đoàn để cho thế hệ mai sau hiểu rõ quá khứ).

Sau 1975, một bộ phận không nhỏ trong xã hội lao theo lối sống thực dụng, họ bị « sốc » vì hàng hóa, địa vị danh vọng. Số người ấy không ít. Ma Văn Kháng trong *Ngày đẹp trời* (1986) Lê Minh Khuê trong *Một chiều xa thành phố* (1986) đã đưa ra nhiều trường hợp điển hình của lối sống gấp, của sự phản bội lại chính mình và người khác. Những con người đáng phê phán như các nhân vật trong *Quê nội*, *Đợi chờ* của Ma Văn Kháng vì đồng tiền có thể đánh mất mình, dẫm đạp lên tình nghĩa cha con, vợ chồng. Những nhân vật nữ trong truyện ngắn của Lê Minh Khuê mê mải chạy đuổi theo « mối », theo tiếng tăm, họ sao nhãng trách nhiệm và bổn phận của người vợ, người mẹ.

Truyện ngắn những năm gần đây còn nhìn sâu hơn vào những cảnh ngộ, tâm trạng phức tạp mà có khi con người gần như bất lực. Đó là cái chết của ông già Tây nguyên trong *Nước mắt gỗ* (1986) của Khuất Quang Thụy, là nỗi đau khổ của người vợ trong *Con chó và vụ ly hôn* của Dạ Ngân (1986), là sự đổ vỡ niềm tin của trẻ thơ trong *Chuyện sót lại ở thung lũng Chóp Ri* (1986) của Nguyễn Quang Lập... Nếu nói « văn học là nhân học » thì truyện ngắn hôm nay đã quan tâm hơn đến con người, cảm thông và nâng niu con người trong mọi thăng trầm của đời sống.

Tình phức tạp của đời sống, những bí ẩn tâm hồn ở mỗi con người cụ thể được Nguyễn Kiên thể hiện khá tinh vi trong những truyện ngắn gần đây của anh in trong tập *Đáy nước* (1986).

Ngay như Bùi Hiền, vốn là người viết rất lạc quan, hồn nhiên, nhưng trong tập *Tâm tưởng* (1985) cũng đã áp sát hơn đến gần những số phận cụ thể, cảm thông chia sẻ với con người tất cả nỗi nhọc nhằn của cuộc đời. Truyện của nhà văn già này như một bầu tâm sự của người sống nhiều đang trở nên rộng lượng hơn với xung quanh.

Nói như thế không phải để đi tới một kết luận là văn học của ta gần đây không được tươi sáng, hào hùng như trước. Thật ra cách nhìn và cách viết này

thể hiện bước chuyển của văn học—trong đó văn xuôi là chủ lực—ngày càng áp sát cuộc sống hơn, càng có nhiều giá trị nhân bản hơn. Sự ca ngợi dễ dãi và lối phản ánh một chiều đời sống tỏ ra không còn sức mạnh giáo dục và nhận thức một cách có hiệu quả—đó là điều văn học tối kỵ.

*
* *

Nói tới truyện ngắn là nói tới cách thức tiếp cận, miêu tả đời sống và con người. *Cách thức của truyện ngắn, — khác với tiểu thuyết và thơ — là khái quát cuộc sống theo chiều sâu, lấy điểm nói diện, lấy cái « khoảnh khắc » để nói cái « vĩnh cửu »* (2). Những người viết truyện ngắn nay rất có ý thức khi tìm cách thể hiện những « khoảnh khắc » có ý nghĩa đối với cuộc đời của mỗi con người. Đúng là « có những phút làm nên lịch sử », có những bước ngoặt quyết định số phận của một đời người. Truyện ngắn hôm nay ít có kiểu men theo một số phận (như *Số phận con người*, *A.Q chính truyện Đồi mắt...*). Truyện ngắn những năm gần đây thường chớp lấy một khoảnh khắc có ý nghĩa để thể hiện toàn bộ đời sống nhân vật. *Bức tranh* của Nguyễn Minh Châu, *Nước mắt gỗ* của Khuất Quang Thụy, *Trái cam trong lòng tay* của Nguyễn Kiên, *Quê nội* của Ma Văn Kháng... là những truyện rất độc đáo trong cách thức tạo cho tác phẩm như một « nhất cát ngang » đời sống. Trong *Bức tranh*, khi người họa sỹ ngồi trước tấm gương của người thợ cắt tóc, anh ta như đối diện với chính mình, làm một cuộc tự vấn lương tâm sâu sắc. Toàn bộ diễn biến của truyện xoay quanh chi tiết này và khoảnh khắc đó nhân vật bộc lộ rõ tinh cách bội bạc của mình. Người chồng trong *Quê nội* sau bao năm trở về quê chỉ nhằm đòi lại chiếc nhân cười ở người vợ trước. Ông già Tây Nguyên sau khi dự lễ làng về thấy mình bị đối xử bất công đã tự vẫn (*Nước mắt gỗ*)...

Dĩ nhiên còn rất nhiều người viết (nhất là các cây bút trẻ) chưa đủ tay nghề để tìm ra những « khoảnh khắc » đó. Họ kéo dài truyện ngắn cũng vì phải đi đường vòng, kể lể theo lối « bóc bánh gai » (hàng đống vỏ mới vào một tý ruột).

Trong thể loại truyện ngắn lộ rất rõ sự đa dạng của các bút pháp. Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Kiên, Ma Văn Kháng là những nhà văn viết theo bút pháp tâm lý. Truyện của họ đi được tới tận cùng những phức tạp trong tâm lý của con người đương thời. Bút pháp này cũng tạo cho kết cấu của truyện ngắn một đặc sắc, một khả năng trình bày được tính phức tạp của tâm lý con người thời đại. Bút pháp này thu hút người đọc vì những phát hiện lý thú về đời sống bên trong của con người.

Một bút pháp dù có sức mạnh đến mấy cũng hạn chế sự đa dạng của sáng tác. Ngay Nguyễn Minh Châu gần đây cũng cố gắng thay đổi bút pháp làm cho truyện ngắn của anh mang nhiều sắc thái khác nhau. *Một lần đối chứng; Sống mãi với cây xanh* được viết theo bút pháp trọng trung, ước lệ. Khuất Quang Thụy trong *Nước mắt gỗ* cũng vận dụng bút pháp này.

Ngay cả « dòng ý thức » cũng được vận dụng với liều lượng thích hợp trong các truyện ngắn của Đỗ Chu, Thùy Linh, Lê Minh Khuê.

Bút pháp trữ tình một thời có ưu thế được Đỗ Chu, Lý Biên Cương, Nguyễn Thành Long sử dụng thành công. Bút pháp này gần đây dường như ít được người đọc ưa thích, có lẽ vì không đủ khả năng thể hiện cuộc sống hết sức phức tạp.

Bút pháp dân gian mà hiện đại thể hiện rất rõ trong những truyện ngắn gần đây của Vũ Tú Nam (*Sống với thời gian hai chiều*—1983) và một số truyện ngắn của Nguyễn Quang Lập.

Sự nở rộ của các bút pháp là điều đáng mừng trong sáng tác văn học. Không có gì đáng buồn hơn là tất cả đều viết giống nhau.

Nói đến truyện ngắn là nói đến ngôn ngữ. Đó là thử thách cực kỳ khó khăn và nhà văn cũng tỏ rõ bản lĩnh và tài năng của mình trên nhiệm vụ này

Ngôn ngữ trong truyện ngắn trước hết đòi hỏi phải có một giọng điệu kể chuyện sáng tạo. Trước đây ngôn ngữ kể chuyện thường đơn điệu—thường là của tác giả hay của nhân vật chính. Bây giờ trong một truyện ngắn có thể có nhiều giọng kể. Nguyễn Kiên trong nhiều truyện đã đưa vào đến bốn giọng kể. (như *Trái cam trong lòng bàn tay*, *Nụ cười để lại*)... Giác độ của người kể chuyện luôn được thay đổi làm cho câu chuyện được người đọc tiếp nhận trở nên hoạt và nhiều nghĩa. Nguyễn Khải vận dụng lối đối thoại trực tiếp giữa nhiều nhân vật, vì thế truyện ngắn của anh mang dáng vẻ chính luận, tự do và thoải mái. Ma Văn Kháng sử dụng nhiều độc thoại nội tâm (*Mẹ và con*, *Ngày đẹp trời...*). Lê Minh Khuê vận dụng lối kể chuyện có vẻ đứt đoạn, mơ hồ, nhiều khi người đọc phải tự chấp nối mới hiểu hết ý nghĩa. Giọng kể trong truyện của chị trầm bổng dựa vào những ấn tượng, cảm giác nhiều khi trôi nổi khó nắm bắt (*Một chiều xa thành phố*) Hồ Anh Thái với lối kể chuyện di dóm thông minh tạo cho truyện những chỗ ngoặt bất ngờ, khơi gợi liên tưởng ở người đọc (*Chàng trai ở bên đợi xe*, *Gió giật trên cánh cửa*) Nguyễn Quang Lập có lối kể dân già « có đầu đuôi » và giữa những câu chữ thấp thoáng một nụ cười di dóm, yêu đời. (*Chuyện sót lại ở thung lũng Chóp Ri...*)

Tuy nhiên trong việc tích lũy và sử dụng ngôn ngữ, một số cây bút trẻ tỏ ra chưa làm chủ được kho tàng tiếng Việt. Vốn từ của họ chưa giàu, cách đặt câu còn vụng dại, lạm dụng tiếng địa phương, viết khoa trương... Đó là những trở lực làm cho tác phẩm của họ yếu hẳn về văn phong. Nếu hiểu văn học là nghệ thuật ngôn từ thì hiện nay ngôn từ đang bị rẻ rúng, nó chỉ mới là phương tiện. Thực ra đi sâu vào nghề nghiệp ngôn từ còn là mục đích của sự miêu tả (theo quan điểm của Bác-tin mà chúng tôi cho là đúng)./.

CHÚ THÍCH

(1) Xin xem thêm: Bài Việt Thắng—Chân trời của truyện ngắn Báo Văn nghệ số 20—5—1989

(2) Xin xem thêm: Bài Việt Thắng—Khả năng lớn của thể loại nhỏ. Báo Nhân dân 6-12-1985.

Bui Viet Thang.

A FEW REMARKS ON VIETNAMESE SHORT NOVELS AFTER 1975

After 1975's short novels concentrates itself on the study of society spiritual reality after war—it is a complex, varied phenomenon with an intermingle of positive and negative aspects.

(xem tiếp trang 56)